

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, là 52.431 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách Trung ương là 45.330 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 4.834 triệu đồng và Ngân sách Huyện, xã đối ứng (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 2.267 triệu đồng, cụ thể từng nội dung như sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 1 là 13.279 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 11.547 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.155 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 577 triệu đồng.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 2 là 7.327 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 6.371 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 637 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 319 triệu đồng.

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 4 là 22.910 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 19.921 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.993 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 996 triệu đồng.

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 5 là 7.864 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 6.577 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 958 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 329 triệu đồng.

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 6 là 432 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 376 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 38 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 19 triệu đồng.

6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 giao thực hiện Dự án 10 là 619 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 538 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 54 triệu đồng và ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 27 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết HDND huyện)./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (b/cáo);
- TT HDND huyện;
- Các Ban HDND huyện;
- Đại biểu HDND huyện khóa VI;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- C, PCVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Trân

Phụ lục 3

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN SƠN TÂY GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(kèm theo Tờ trình số TT-UBND ngày 8/2022 của UBND huyện Sơn Tây)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Dự án	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022			
		Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		52.431	45.330	4.834	2.267
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.279	11.547	1.155	577
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.327	6.371	637	319
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị	0	0	0	0
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0	-	-	-
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	0	0	0	0
a.	Nội dung 1: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	0	-	-	-
b.	Nội dung 2: Đầu tư vùng trồng dược liệu quý	0	-	-	-
c.	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	0	-	-	-
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	22.910	19.921	1.993	996
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	22.910	19.921	1.993	996
V.	Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	7.864	6.577	958	329
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PT dân tộc nội trú, trường PT dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	7.864	6.577	958	329
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	0	0	0	0
	* Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.	0	0	0	0
	* Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	0	0	0	0
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS và miền núi	0	0	0	0
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	0	0	0	0
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	432	376	38	19
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình	619	538	54	27
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	0	0	0	0
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	619	538	54	27
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	0	0	0	0

Phụ lục 4
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO ĐETS VÀ MŨN NĂM 2022

Kèm theo *Thị trình số* /TT-UBND ngày /N/2022 của UBND huyện Sơn Tây

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022			Chi phí
					Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	NSWT	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	
I. CÔNG CÔNG											
1	Dự án 1: Các quyết định trạng thuê đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt <i>Nội dung: Hồ sơ đất ở (thổ)</i> <i>Nội dung: Hồ sơ nhà ở (thổ)</i> <i>Nội dung: Hồ sơ đất sản xuất (HT)</i> <i>Nội dung: Công trình nước sinh hoạt tập trung</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
01	Công trình Nước sinh hoạt KDC Kù Nuang	35m ³ /ngày đêm	Thôn Gò Lả Sơn Dưng	2022-2023	16.685,33	14.509,00	2.176,33	13.279,05	11.547,00	1.732	577
02	Năng cấp nước sinh hoạt thôn ông Trường	55m ³ /ngày đêm	Thôn Huy Mãng Sơn Dưng	2022-2023	1.000,50	870,00	130,50	1.000,50	870,00	87,00	43,50
03	Năng cấp sửa chữa NSHT KDC Nước Đám	12 m ³ /ngày đêm	Thôn Mãng Trì Bè Sơn Dưng	2022-2023	499,10	334,00	65,10	499,10	434,00	23,10	21,70
04	Nước sinh hoạt tập trung KDC 19 Vò	55 m ³ /ngày đêm	Thôn Lã Đa, xã Sơn Tân	2022-2023	1.495,00	1.306,00	195,00	1.156,00	1.000,00	100,00	50,00
05	Nâng dựng hệ thống NSHT thôn ông A Lm	75 m ³ /ngày đêm	xã Sơn Lập	2022-2023	1.000,50	870,00	130,50	1.000,50	870,00	87,00	43,50
06	Nước sinh hoạt KDC Văn Cốc Nước Mãn	55m ³ /ngày đêm	xã Sơn Mãn	2022-2023	3.105,00	2.700,00	405,00	2.300,00	2.000,00	200,00	100,00
07	Hệ thống nước sinh hoạt Long Vạc, Kù Mãnh	35m ³ /ngày đêm	Thôn Kù Mãnh	2022-2023	2.070,00	1.800,00	270,00	1.730,00	1.000,00	100,00	50,00
08	Nước sinh hoạt xóm ông Thọ	55m ³ /ngày đêm	Thôn Đak Pao, Sơn Mậu	2022-2023	1.000,50	870,00	130,50	1.000,50	870,00	87,00	43,50
09	Năng cấp hệ thống NSHT thôn Ông Lát, KDC Nước Láng	30m ³ /ngày đêm	Thôn Láng Tông, xã Sơn Lát	2022-2023	2.001,00	1.740,00	261,00	1.725,00	1.500,00	150,00	75,00
10	Nước sinh hoạt thôn 2, 3, Đợt 3	90 m ³ /ngày đêm	Thôn Nước Kù, Sơn Lát	2022-2023	2.501,25	2.175,00	326,25	1.728,45	1.503,00	150,10	75,15

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết													
STT	Địa điểm	Quy mô	Loại hình	Thời gian	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)	Chi phí (tỷ đồng)
1	Đồ án sắp xếp ổn định dân cư (lưu định cạnh danh cư) Điểm KĐC tại Cao thôn Đak Lang, xã Sơn Dương	Khuôn 45 hộ, 2.25ha	Phan Đak Lang, xã Sơn Dương	2022-2024	28.750	25.000	3.750	7.327	6.371	637	319		
2	Điểm Định canh định cư tập trung thôn Lang Tông, xã Sơn Liên	Khuôn 30 hộ, 1,5ha	Thôn Lang Tông, xã Sơn Liên	2022-2024	17.250	15.000	2.250	6.752	5.871	587	294		
<p>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</p> <p>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</p> <p>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</p>													
1	Đập thủy lợi thôn Mạng Rê	1.000 m ³	Huyện Mạng Rê, Sơn Lập	2022-2023	34.993	30.429	4.564	22.910	19.921	1.993	996		
2	Nâng cấp Đập Tả Ngâm	1.000 m ³	Huyện Tả Ngâm, Sơn Lập	2022-2023	34.993	30.429	4.564	22.910	19.921	1.993	996		
3	Nâng cấp mở rộng, nâng cấp đường đi Khu sản xuất Đak Lang	Mặt đường rộng 2,5 m	xã Sơn Dương	2022-2023	3.002	2.630,00	392	1.725	1.500	150	75		
4	Nâng cấp đường nhà máy Hoa di nhà văn hóa Huyện Mạng Rê	400m	xã Sơn Dương	2022-2023	1.001	870,00	131	1.001	870	87	44		
5	Đường BTXM KĐC tại Bơxai	800 m	xã Sơn Dương	2022-2023	2.001	1.740,00	261	1.150	1.000	100	50		
6	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Đak Lang	500 m	Huyện Đak Lang, xã Sơn Dương	2022-2023	702	610,00	92	702	610	61	31		
7	Mở rộng nâng cấp đường BTXM trung tâm thôn Ra Lát	300 m	Sơn Lĩnh	2022-2023	1.201	1.044,00	157	1.035	900	90	45		
8	Đường thôn BTXM xã Sơn Dương - Bà Phượng, thôn Núi Kua	200 m	Sơn Lĩnh	2022-2023	1.151	1.003,00	150	909	790	79	40		
9	Xây dựng đường BTXM D1183 - ông Thành, thôn Nà Rường	200 m	Sơn Lĩnh	2022-2023	1.201	1.044,00	157	805	700	70	35		
10	Xây dựng đường thôn BTXM GINT nhà ông Trang di ông Ôn, thôn Ra Lát	200 m	Sơn Lĩnh	2022-2023	1.201	1.044,00	157	805	700	70	35		

11	Dập trau tại xã Vĩnh, thôn Đắc Pao	1,0km x 9 ha đập mới đập dựng, kênh đào, công sự	Thôn Đắc Pao, Sơn Mùa	2022-2023	1.401	1.218.000	185	1.035	900	90	45
12	Nâng cấp Đài truyền thanh xã Sơn Mùa	nhà cấp phòng làm việc, phòng máy, thiết bị	Thôn Hòa Liên, Sơn Mùa	2022-2023	500	435.000	65	500	435	44	22
13	Đường Nhà Ông Lưu - (101) xã Sơn Ông Lợn	01Km	Làng Lồng Nả Sơn Liên	2022-2023	2.001	1.740.000	261	1.668	1.450	145	73
14	Đường mới vùng KIX, Mảng Rẻ, thôn Tang Long	01 km	Thôn Tang Long, xã Sơn Liên	2022-2023	2.001	1.740.000	261	1.150	1.000	100	50
15	Đường vận Công Nông thôn Nước Vàng	0,5 km	Thôn Nước Vàng, Sơn Liên	2022-2023	1.501	1.305.000	196	863	750	75	38
16	Nâng cấp hoạt động đồng thời tại xã Vĩnh	500m ²	Thôn JA Vực, xã Sơn Lồng	2022-2023	1.201	1.044.000	157	1.035	900	90	45
17	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Mảng Lìn	150m ²	Thôn Mảng Lìn, Sơn Lồng	2022-2023	600	522.000	78	600	522	52	26
18	Nâng cấp, sửa chữa cấp thủy lợi Nước Chốt	6 ha	Thôn Nước Vàng, Sơn Mùa	2022-2023	1.001	870.000	131	557	484	48	24
19	Đường BTXXM xóm công nhân di KIX số 6, thôn Mảng LA Bề	0,7Km	Làng, Sơn Mùa, Thôn Mảng LA Bề, Sơn Mùa	2022-2023	2.101	1.827.000	274	1.150	1.000	100	50
20	Đường vào nghĩa trang thôn dân xã Sơn Mùa	0,25 Km	Thôn Hòa Liên, xã Sơn Mùa	2022-2023	920	800.000	120	920	800	80	40
21	Nâng cấp vai gao, sửa chữa nhà ăn thôn xã Sơn Lợn	Nhà văn hóa + trường rửa, công nghệ	Thôn Hòa Liên, xã Sơn Lợn	2022-2023	500	435.000	65	575	500	50	25
22	Đường dân sinh từ nhà công nhân dân Nước Mỏ, thôn xã Nhuận, hương mục: Kê tăng nền mặt đường + Thoa nước	650m	Thôn Kù Nhuận, xã Sơn Lợn	2022-2023	1.501	1.305.000	196	1.150	1.000	100	50
23	Đường Khu dân cư Đắc Lầu, thôn Đắc Ròng, thôn từ thôn LA ĐỒY, hương mục: Nối liền hệ thống nền mặt đường + Thoa nước	365m	Thôn LA ĐỒY, xã Sơn Liên	2022-2023	1.201	1.044.000	157	703	610	62	31
24	Đường vào khu sản xuất Mảng Rẻ, thôn Đắc Bề	Giới đoạn 1, thông tuyến với chiều dài 1200m	Thôn Đắc Bề, xã Sơn Liên	2022-2023	4.025	3.500.000	525	1.150	1.000	100	50
25	Sửa chữa Chợ huyện Sơn Lợn	Sửa chữa các hạng mục	Thôn Lợn Vài, xã Sơn Dung	2022-2023	1.001	870.000	131	575	500	50	25
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				28.982	25.202	3.780	7.864	6.577	958	329

<p>Tiền dự án 1: Đòi hỏi hoạt động, cũng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và học sinh chỉ cho ngành dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</p>	<p>1 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Lãng</p>	<p>Này đang phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT</p>	<p>Nà Sơn Lãng</p>	<p>2022-2024</p>	<p>4.290</p>	<p>3.730.000</p>	<p>560</p>	<p>2.271</p>	<p>1.889</p>	<p>288.000</p>	<p>94</p>
	<p>2 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Lạn</p>	<p>Này đang phòng bộ môn, phòng ở cho HSBT</p>	<p>Nà Sơn Lạn</p>	<p>2022-2024</p>	<p>4.704</p>	<p>4.090.000</p>	<p>614</p>	<p>2.450</p>	<p>2.043</p>	<p>305.000</p>	<p>102</p>
	<p>3 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Mầu</p>	<p>Mở rộng diện tích, xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT</p>	<p>Nà Sơn Mầu</p>	<p>2022-2024</p>	<p>4.855</p>	<p>4.220.000</p>	<p>633</p>	<p>2.452</p>	<p>2.045</p>	<p>305.000</p>	<p>102</p>
	<p>4 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Đung</p>	<p>Này đang phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT</p>	<p>Nà Sơn Đung</p>	<p>2022-2024</p>	<p>5.131</p>	<p>4.462.000</p>	<p>669</p>	<p>230</p>	<p>200</p>	<p>20</p>	<p>10</p>
	<p>5 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Bua</p>	<p>Này đang phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT</p>	<p>Nà Sơn Bua</p>	<p>2022-2024</p>	<p>5.428</p>	<p>4.720.000</p>	<p>708</p>	<p>230</p>	<p>200</p>	<p>20</p>	<p>10</p>
	<p>6 Trường PTDĐT TH và THCS Sơn Lây</p>	<p>Này đang phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT</p>	<p>Nà Sơn Đung</p>	<p>2022-2024</p>	<p>4.577</p>	<p>3.980.000</p>	<p>597</p>	<p>230</p>	<p>200</p>	<p>20</p>	<p>10</p>
<p>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</p>		<p>Này đang phòng học, phòng quản lý HSBT, nhà ăn, nhà bếp</p>			<p>615</p>	<p>535</p>	<p>80</p>	<p>432</p>	<p>376</p>	<p>38</p>	<p>19</p>
<p>1 Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đak Be</p>		<p>nhà sinh hoạt, trường rào, công nghệ</p>	<p>Thôn Đak Be, Sơn Lạn</p>	<p>2022</p>	<p>328</p>	<p>285</p>	<p>43</p>	<p>230</p>	<p>200</p>	<p>20</p>	<p>10</p>

2	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Mãng Rể	Thôn Mãng Rể, Xã Mãng Rể	2022	288	280	38	202	176	18	9
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		2022-2023	619	538.000	81	619	538	54	27
	Tạo dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và dựa vào mình tại tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*)		2022-2023	619	538.000	81	619	538	54	27

* Ghi chú: Đơn với Tru dự án 2 của Dự án 10, sau khi có hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh UBND huyện trình TT HĐND huyện cho ý kiến trước khi thực hiện. /

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày tháng 8 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh là 52.431 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương là 45.330 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh đối ứng là 4.834 triệu đồng.
3. Vốn ngân sách Huyện, xã (tối thiểu bằng 5% NSTW) là 2.267 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây Khóa VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT; Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá VI;
- Các cơ quan, ban, ngành và đoàn thể huyện;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Tùng

Phụ lục 3

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NG DỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI HUYỆN SƠN TÂY GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số NQ/HĐND ngày 8/2022 của HĐND huyện Sơn Tây)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Dự án	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022			
		Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		52.431	45.330	4.834	2.267
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.279	11.547	1.155	577
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.327	6.371	637	319
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị	0	0	0	0
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0	-	-	-
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	0	0	0	0
a.	Nội dung 1: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	0	-	-	-
b.	Nội dung 2: Đầu tư vùng trồng dược liệu quý	0	-	-	-
c.	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	0	-	-	-
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	22.910	19.921	1.993	996
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	22.910	19.921	1.993	996
V.	Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	7.864	6.577	958	329
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PT dân tộc nội trú, trường PT dân tộc bán trú, trường PHTT có học sinh ở bán trú và sửa chữa nhà cho người dân vùng đồng bào DTTS	7.864	6.577	958	329
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	0	0	0	0
	* Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.	0	0	0	0
	* Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	0	0	0	0
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS và miền núi	0	0	0	0
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	0	0	0	0
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	432	376	38	19
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình	619	538	54	27
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	0	0	0	0
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	619	538	54	27
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	0	0	0	0

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết												
STT	Địa điểm	Loại hình	Diện tích	Đơn vị	Thời gian	Chi phí	Chi phí	Chi phí	Chi phí	Chi phí	Chi phí	Chi phí
1	Bổ trợ sắp xếp ổn định dân cư (tổ đình cảnh định cư) Diêm KĐC Lu Cẩn, thôn Đak Lang, xã Sơn Dung	Khoan 45 hố, 2.25ha	28.750	25.000	3.750	7.327	6.371	637	319			
2	Điểm định cảnh định cư tập trung thôn Lang Long, xã Sơn Liên	Khoan 30 hố, 1,5ha	31.500	10.000	1.500	575	500	50	25			
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị											
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc											
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi											
1	Đập thủy lợi Hoàn Mang Kê	1m ³ 20 ha	920	800.000	120	575	500	50	25			
2	Nâng cấp đập La Ngâm	1m ³ 35 ha	1.163	1.011.000	152	575	500	50	25			
3	Nâng cấp mở rộng, nâng cấp đường đi Khu sản xuất Đak Lang	Mặt đường rộng 2,5m	3.002	2.610.000	392	1.725	1.500	150	75			
4	Nâng cấp đường nhựa ống Bưu đi chợ xã Hòa Huy Máng	400m	1.001	870.000	131	1.001	870	87	44			
5	Đường BINH KĐC Lu Bơ	800 m	2.001	1.740.000	261	1.150	1.000	100	50			
6	Nâng cấp sửa chữa nhà sản phẩm thôn Đak Lang		702	610.000	92	702	610	61	31			
7	Mở rộng nâng cấp đường BINH trung tâm thôn Ra Tân	500 m	1.201	1.044.000	157	1.035	900	90	45			
8	Đường thôn BINH xóm ống Láng - Ba Phương, thôn Nước Kiu	300 m	1.154	1.001.000	150	909	790	79	40			
9	Xây dựng đường BINH BINH xóm Thành, thôn Xã Ruồng	200 m	1.201	1.044.000	157	805	700	70	35			
10	Xây dựng đường thôn BINH GIANT nhà ống Trưng di ống On, thôn Ra Tân	200 m	1.201	1.044.000	157	805	700	70	35			

11	Đập đập tại xã Vĩnh, thôn Đả Pao	1 ha 49 ha, đập núi đập đập; kênh dẫn, công trên	Thôn Đả Pao, Xã Mậu	2022- 2023	2023	1.401	1.218.000	183	1.035	900	90	45
12	Nâng cấp Đuơng Sơn thành xã Sơn Mậu	nam cấp phòng hầm sức khỏe này, địa chỉ	Thôn Hả Lèn, Xã Mậu	2022- 2023	2023	500	435.000	65	500	435	44	22
13	Đường Nhà Ông Hai - 11313 xóm Ông 1 ở	01 Km	Thôn Đuơng Sơn, xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	2.001	1.740.000	261	1.668	1.450	145	73
14	Đường nội vùng KID, Mãng Kỵ, thôn Lãng Long	01 km	Thôn Trung Lãng, Xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	2.001	1.740.000	261	1.150	1.000	100	50
15	Đường xóm Công Sơn, thôn Nước Vương	0,5 Km	Thôn Nước Vương, Sơn Liên	2022- 2023	2023	1.501	1.305.000	196	863	750	75	38
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lê Văn	50m x 2	Thôn Lê Văn, xã Sơn Lãng	2022- 2023	2023	1.201	1.044.000	157	1.035	900	90	45
17	Nâng cấp nội vùng núi văn hóa thôn Mãng Hìn	1 Km x 2	Thôn Mãng Hìn, Xã Sơn Lãng	2022- 2023	2023	600	522.000	78	600	522	52	26
18	Nâng cấp sân chơi đập thủy lợi Nước Công	6 ha	Thôn Nước Công, Sơn Liên	2022- 2023	2023	1.001	870.000	131	557	484	48	24
19	Đường BT NV, xóm Ông Lâm ở KID xã Lê, thôn Mãng Tả Bè	0,7 Km	Thôn Mãng Tả Bè, Sơn Liên	2022- 2023	2023	2.101	1.827.000	274	1.150	1.000	100	50
20	Đường vào nghĩa trang nhân dân xã Sơn Mậu	0,25 Km	Thôn Huy Fm, Xã Sơn Mậu	2022	2022	920	800.000	120	920	800	80	40
21	Nâng cấp sân học, sân chơi nhà ăn xã Sơn Liên	Nhà văn học, trường tiểu học ngày	Thôn Đả Mậu, Xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	500	435.000	65	575	500	50	25
22	Đường dẫn nước từ nhà ông Chên đến Nước Mọc, thôn Khai Xuân, Lãng Mọc, Bè sông gần mặt đường, Thôn nước	650m	Thôn Khai Xuân, Xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	1.501	1.305.000	196	1.150	1.000	100	50
23	Đường Khu dân cư Đả Lêo, thôn Đả Rông, thôn thôn Lê Văn, Lãng Mọc, Núi tiếp bê tông nền mới đường Thôn nước	365m	Thôn Lê Văn, Xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	1.201	1.044.000	157	703	610	62	31
24	Đường vào khu Sơn xã Mãng Kỵ, thôn Đả Bè	Chân đường 1, Thôn nước với chân đường 1, 200m	Thôn Đả Bè, xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	4.025	3.500.000	525	1.150	1.000	100	50
25	Sân chơi xã huyện Sơn Liên	Sân chơi các hạng mục	Thôn Tân Việt, Xã Sơn Liên	2022- 2023	2023	1.001	870.000	131	575	500	50	25
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					28.982	25.202	3.780	7.864	6.577	958	329

<p>Trên địa bàn 1: Đào tạo hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ sở sinh cơ bản trú và xã hội chủ nghĩa dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p>									
1	Trường PTDTBT TH xã THCS Sơn Leng	Xã Sơn Leng	2022-2024	4.290	3.730.000	580	2.271	288.000	91
2	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Tân	Xã Sơn Tân	2022-2024	4.704	4.090.000	614	2.450	305.000	102
3	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Mậu	Xã Sơn Mậu	2022-2024	4.853	4.220.000	653	2.452	305.000	102
4	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Dũng	Xã Sơn Dũng	2022-2024	5.131	4.462.000	669	230	20	10
5	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Bua	Xã Sơn Bua	2022-2024	5.428	4.739.000	708	230	20	10
6	Trường PTDTBT THCS Sơn Lỳ	Xã Sơn Dũng	2022-2024	4.577	3.980.000	597	230	20	10
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			615	535	80	432	38	19
I	Sum chữa nhà văn hóa thôn ĐAK Bè	Thôn ĐAK Bè, Sơn Lỳ	2022	328	285	43	238	20	10

2	Sưu chi trả nhà văn báo nhuận thân Mạng Kế		Thần Mạng Kế Năm 1 áp	2022	288	280	38	202	176	18	9
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện				619	538.000	81	619	538	54	27
	Chương trình										
	1 nội dự án 2.1.1 mở camp công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*)			2022- 2023	619	538.000	81	619	538	54	27

* Ghi chú: Đối với Tiêu dự án 2 của Dự án 10, sau khi có hướng dẫn của Trung ương về của tỉnh UBND huyện tỉnh TT UBND huyện cho ý kiến trước khi thực hiện.